

THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA TỆ LÃNG PHÍ Ở VIỆT NAM

PHẠM HỮU NGHỊ*

1. THỰC TRẠNG CỦA TỆ LÃNG PHÍ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1.1 Nhận diện tệ lãng phí trong một số lĩnh vực

1.1.1 Nhận diện tệ lãng phí trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản ⁽¹⁾

Lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản có thể hiểu là việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản không đúng mục đích, không đúng nhiệm vụ thiết kế, chất lượng xây dựng kém phải phá đi làm lại hoặc công trình hoàn thành nhưng không sử dụng được, bỏ phí, không mang lại hiệu quả, hoặc đạt hiệu quả nhưng với chi phí cao hơn chi phí đầu tư cần thiết cho dự án được xác định theo các tiêu chuẩn, định mức qui định của Nhà nước.

Lãng phí khác với thất thoát, nhưng không phải lúc nào cũng tách bạch được. Chính vì vậy khi định nghĩa về thất thoát Tổng hội Xây dựng Việt Nam cho rằng, thất thoát bao gồm cả lãng phí.

Lãng phí xảy ra ở tất cả các giai đoạn của quá trình đầu tư xây dựng. Cụ thể là:

** Giai đoạn chuẩn bị đầu tư (qui hoạch, quyết định đầu tư)*

- Chất lượng một số dự án qui hoạch chưa cao, chưa có tầm nhìn xa: Hiện nay cả nước có trên 100 cảng biển ở 24 tỉnh, thành phố; 18 cảng hàng không và sân bay chuyên dùng; đang nâng cấp xây dựng 4 sân bay và chuẩn bị thủ tục cho 4 sân bay khác; một số cảng và sân bay xây dựng quá gần nhau; có cảng vừa xây dựng xong lại chuẩn bị kế hoạch để di dời.

- Thiếu sự phối hợp lồng ghép giữa các loại qui hoạch: Một số công trình đầu tư không gắn với qui hoạch vùng, địa phương hoặc có qui hoạch nhưng không tính hết khả năng cung cấp nguyên vật liệu như Nhà máy đường Linh Cảm Hà Tĩnh,

* PGS.TS. Viện Nhà nước và Pháp luật.

Nhà máy đường Quảng Bình và Thừa Thiên - Huế xây dựng xong không có nguyên vật liệu phải di dời nơi khác. Các nhà máy tinh bột sắn, chế biến dứa cùng xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá và Ninh Bình là những dẫn chứng cho thấy thiếu kết hợp giữa qui hoạch ngành và qui hoạch sử dụng đất đai.

- Lãng phí xảy ra do không nghiên cứu kỹ qui hoạch nên bố trí nhiều dự án đồng thời trên cùng một địa điểm phải phá đi làm lại. Thí dụ, dự án thoát nước đường Tân Kỳ- Tân Quý đã hoàn thành đưa vào sử dụng phải phá đi để làm đường giao thông gây lãng phí gần 1 tỷ đồng.

- Tính cục bộ và xu hướng khép kín trong các qui hoạch (ngành, lãnh thổ, sản phẩm) đã gây ra sự lãng phí các nguồn lực do sự phát triển chông chéo, dư thừa công suất... hoặc tạo ra độc quyền trong phát triển một ngành, một sản phẩm nhất định, sử dụng qui hoạch để cản trở các thành phần kinh tế khác tham gia.

- Lãng phí xảy ra khi quyết định đầu tư sai: Do chất lượng báo cáo nghiên cứu khả thi kém nên khi hoàn công dự án sau một thời gian mới biết dự án không có hiệu quả. Thí dụ: ở Hà Nội là các chợ như: chợ đầu mối Đền Lừ với số vốn 10 tỷ đồng, chợ đầu mối Xuân Đình, Chợ xe máy Quảng An đầu tư hơn 6 tỷ, chợ đầu mối Hải Bối (Đông Anh) – 13 tỷ, chợ Thanh Xuân Bắc, chợ Thượng Đình...

- Lãng phí xảy ra do những bất cập trong công tác lập và phê duyệt dự án⁽²⁾: Khi chủ đầu tư tìm cách “lách” nhằm đáp ứng các qui định về quản lý đầu tư miễn là có được dự án, nhưng khi thực hiện dự án không đủ kinh phí phải làm lại thủ tục từ đầu gây lãng phí về thời gian và vốn. Hoặc trường hợp hồ sơ chưa đủ nhưng vẫn được ghi kế hoạch cấp vốn, thậm chí được khởi công xây dựng; sau đó mới làm các thủ tục hợp thức hoá.

** Giai đoạn thực hiện đầu tư (khảo sát, thiết kế, chậm tiến độ thi công do đền bù, giải phóng mặt bằng, bố trí vốn...)*

- Lãng phí do chất lượng công tác khảo sát không đạt yêu cầu dẫn đến thiết kế sai lầm cho chất lượng công trình không bảo đảm, phải khắc phục sửa chữa, trong nhiều trường hợp phải thay đổi cả thiết kế làm phát sinh các chi phí không cần thiết. Thí dụ dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1 đoạn Hà Nội – Lạng sơn (ADB2), Cầu cảng nhà máy xi măng Nghi Sơn, cầu Non Nước (Ninh Bình), cầu Tân Đệ ...

- Lãng phí trong công tác thiết kế công trình do thiết kế sơ bộ trong báo cáo nghiên cứu khả thi sơ sài, không đủ cơ sở để xác định tổng mức đầu tư phù hợp; khi triển khai xây dựng phải điều chỉnh, bổ sung ảnh hưởng đến tiến độ công trình. Thí dụ, cầu Hoàng Long và cầu Hàm Rồng vượt đường sắt tổng mức đầu tư sau khi thiết kế thay đổi tăng vốn đầu tư gấp 3 lần dẫn đến lãng phí thuê tư vấn thiết kế, mất nhiều thời gian gây ảnh hưởng đến tiến độ chung.

- Lãng phí do giải pháp thiết kế chưa hợp lý. Thí dụ, Nhà hát chèo Hà Nội do giải pháp thiết kế không hợp lý gây lún nứt, không sử dụng được phải xử lý, khắc phục gây nhiều lãng phí.

- Lãng phí do tính toán trong hồ sơ thiết kế không chuẩn xác, do sử dụng vật tư, vật liệu không phù hợp với tính chất sử dụng của công trình; lãng phí do sử dụng tiêu chuẩn nước ngoài không đồng bộ, lựa chọn công nghệ không kỹ lưỡng...

- Lãng phí do chậm giải phóng mặt bằng, do bố trí đầu tư xây dựng dàn trải, dẫn đến tình hình nợ đọng vốn trong xây dựng (thời gian thực hiện bị kéo dài, khối lượng thi công dở dang lớn, chi phí quản lý tăng, chậm đưa công trình vào sử dụng).

Cùng với các biểu hiện lãng phí trên đây còn có lãng phí trong đấu thầu, trong ký kết các hợp đồng kinh tế; trong thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán diễn ra rất phổ biến nhưng trong các khâu này thì ranh giới giữa lãng phí và thất thoát rất khó phân biệt.

1.1.2. Nhận diện lãng phí trong khu vực doanh nghiệp nhà nước

Số lượng công ty nhà nước tính đến hết năm 2004 gồm gần 100 tổng công ty Nhà nước (TCT) và gần 4000 công ty nhà nước hoạt động độc lập và là thành viên của tổng công ty, với số vốn thống kê là 214.000 tỷ VND (không kể giá trị quyền sử dụng đất).

Thực tế 13 năm cổ phần hoá (CPH) (thí điểm từ 1992) đến nay mới chỉ CPH được 2.200 công ty và bộ phận công ty, chủ yếu là các công ty nhỏ hoạt động không hiệu quả nhưng không thể giải quyết theo thủ tục phá sản doanh nghiệp được⁽³⁾.

Về vốn mới CPH được 8,2% vốn nhưng thực chất Nhà nước mới bán cho người lao động và cổ đông bên ngoài Nhà nước 4,5% (khoảng 9000 tỉ đồng). Số còn lại Nhà nước giữ cổ phần chi phối.

Qua những công bố công khai trên báo chí kết quả kiểm tra tại các tổng công ty Dầu khí, Thủy sản, Mía đường, Cao su, Điện lực, Xi măng, Thép...đều cho một nhận xét chung là các tổng công ty này hoạt động kém hiệu quả, việc đầu tư ở các tổng công ty này đã dễ xảy ra thất thoát, tham nhũng và lãng phí. Hầu như nhìn vào bất kỳ một công ty nhà nước nào ta cũng có thể chỉ ra sự kém hiệu quả.

Một thực tế qua khảo sát ở một số doanh nghiệp dân doanh cho thấy, một nhà máy cùng công xuất, cùng công nghệ thì dân doanh chỉ đầu tư bằng 40 - 60% Nhà nước, tính trung bình là 50%, như vậy 50% kia đi đâu? Khi phỏng vấn một giám đốc công ty cổ phần do doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá thì được biết là: 50% tổn thất không vào công trình được phù phép phân bổ cho nhiều mối quan hệ phức tạp. Các quan hệ vô hình này làm tăng chi phí đầu tư lên gấp đôi.

Qua tìm hiểu có thể chỉ ra những biểu hiện lãng phí sau đây trong khu vực doanh nghiệp nhà nước:

- Lãng phí do chủ trương đầu tư, quy hoạch không đúng;
- Lãng phí trong sử dụng đất;
- Lãng phí nguồn nhân lực, chất xám;

- Lãng phí do lạm dụng cơ chế quản lý lãnh đạo tập thể;
- Lãng phí do tái cơ cấu;
- Lãng phí trong chi tiêu.

1.1.2.1 Lãng phí do chủ trương đầu tư, quy hoạch không đúng

Do chậm chuyển biến nhận thức về vị thế của doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và do chưa thực sự coi trọng kinh tế dân doanh nên trong chủ trương đầu tư và quy hoạch đầu tư vẫn cố tạo ra cơ hội cho việc thành lập thêm các DNNN ở rất nhiều lĩnh vực. Lẽ ra cần thấy rằng, DNNN chỉ tồn tại với vai trò then chốt, chủ đạo trong một vài lĩnh vực, chứ không phải là toàn bộ nền kinh tế. Khi dân chưa biết kinh doanh, chưa đủ lực để kinh doanh thì Nhà nước làm mẫu để dân học tập, dân làm được đến đâu thì Nhà nước buông đến đó. Nhà nước chỉ còn làm những gì dân chưa làm được hay không muốn làm. Do chưa nhận thức được vấn đề này nên chúng ta vẫn muốn: Duy trì DNNN, duy trì các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Nhà nước giữ cổ phần và vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa. Từ đây dẫn đến lãng phí toàn bộ tiềm năng của Nhà nước. Lẽ ra Nhà nước không phải bỏ vốn kinh doanh mà vẫn thu được thuế cao hơn. Nhưng Nhà nước vẫn cứ chủ trương đầu tư: Chương trình 1 triệu tấn đường đã tạo ra các nhà máy đường rất bất hợp lý, gây lãng phí không biết bao nhiêu ngàn tỷ cho ngân sách; Chương trình đánh bắt cá xa bờ, nếu dân đóng 1 con tàu tương tự như Nhà nước, chi phí chỉ bằng 60% so với Nhà nước; Chương trình quy hoạch xi măng lò đứng cũng tương tự. Nhà máy lọc dầu Dung Quất và hệ thống cảng biển, sân bay có nhiều điều vô lý, theo phong trào. Tỉnh anh có cảng, tỉnh tôi cũng phải có cảng và thế là đầu tư cho DNNN vô tội vạ, không cần gì tới hiệu quả, duy ý chí trong việc thành lập tràn lan các DNNN thông qua các dự án.

Từ tư duy chậm đổi mới đã dẫn đến làm chậm quá trình xã hội hoá đầu tư thông qua cổ phần hóa (CPH), giao, bán doanh nghiệp nhà nước.

1.1.2.2 Lãng phí trong sử dụng đất

Đất đai, tài nguyên khoáng sản là tài sản hữu hạn do thiên nhiên ban tặng cho loài người. Với tư cách là chủ sở hữu đại diện Nhà nước đã giao cho DNNN được sử dụng đất và tài nguyên khoáng sản một cách ưu ái và khá lãng phí.

- Quỹ đất mà DNNN được giao, được thuê là rất lớn (hiện chưa có số liệu cụ thể). Nhưng sử dụng không hiệu quả, nhiều khu đất do DNNN quản lý bị bỏ hoang, phải thu hồi... Theo số liệu của Thanh tra Nhà nước (nay là Thanh tra Chính phủ) thì sự lãng phí đất đai tại DNNN là rất lớn, nhưng chưa công bố. Các tỉnh đang có quyết định thu hồi hàng trăm ha đất đã giao cho DNNN nhưng bỏ hoang.

- Nhiều DNNN sử dụng đất bằng cách cho doanh nghiệp dân doanh thuê lại với giá thị trường, lấy chênh lệch nuôi nhau, còn nghề kinh doanh chính thì thua lỗ.

Qua khảo sát ở 7 tỉnh Lào Cai, Hưng Yên, Hà Tây, Hà Nam, Quảng Nam, Daklak, An Giang cho thấy, đất làm mặt bằng cho doanh nghiệp dân doanh rất khó khăn: 34% số doanh nghiệp dân doanh thuê lại đất của DNNN, thuê của

UBND tỉnh là 28%, thuê đất của tư nhân là 23% và của DN khác, tổ chức khác là 7% (chưa có nghiên cứu ở Hà Nội, TP HCM, Đà Nẵng, Hải Phòng và những trung tâm công nghiệp).

Đất do DNNN sử dụng đều là những mảnh đất “đắc địa”, có giá trị rất lớn nhưng khi tính toán hiệu quả kinh doanh của DNNN người ta lại không tính giá trị sử dụng đất vào giá trị DNNN. Điều này đã làm cho hiệu quả kinh doanh của DNNN đã được tính không đúng. Nếu tính cả giá trị giá trị sử dụng đất vào giá trị DNNN thì có lẽ nhiều DNNN làm ăn không có lãi.

Xin dẫn ra một ví dụ: Công ty vật tư nông nghiệp Kiến An, Hải Phòng, được định giá 850 triệu gồm một dãy nhà cấp 4 cũ nát và một xưởng cơ khí tan hoang lâu nay không hoạt động, tất cả khu nhà được tọa lạc trong một khuôn viên rộng 1,6 ha. Khi bán Công ty này theo phương pháp đấu giá công khai, kết quả thu được 6,6 tỷ gồm 2 tỷ nhận nợ và 4,6 tỷ tiền mặt. Ở trường hợp này, thực chất các nhà đầu tư chỉ nhìn vào giá trị của 1,6 ha đất tại thị xã Kiến An - cái mà Nhà nước không định giá. Trong khi đó người dân phố bán nhà ở cho nhau với giá 500.000đ/1m² đất mặt tiền... Khu 1,6 ha đất do Công ty vật tư nông nghiệp Kiến An quản lý có khoảng 100m mặt tiền, cũng chỉ thu được 8 tỷ (1,6000m² x 500.000đ = 8.000.000.000đ).

Qua ví dụ trên cho thấy giá trị to lớn của DNNN hiện nay có thể bán được chính là giá trị quyền sử dụng đất, nhưng khi CPH và bán doanh nghiệp trong suốt một thời gian dài chúng ta lại bỏ giá trị này không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị DN. Thật là lãng phí và vô lý!

1.1.2.3 Lãng phí nguồn nhân lực, chất xám trong DNNN

Các DNNN lâu nay vẫn được coi là sản sau của bộ máy công quyền trực tiếp liên quan đến DNNN. Con cháu các cán bộ lãnh đạo thường được gửi gắm vào những vị trí then chốt trong các công ty nhà nước mà trước hết là các tổng công ty lớn. Các giám đốc DNNN khi được cấp trên gửi gắm thì buộc phải chấp thuận, nhưng đều có bản khoản không biết nhận rồi thì sử dụng như thế nào? Điều này tạo nên một thực tế ở DNNN thường thừa người không biết làm việc, nhưng lại rất thiếu người có năng lực. Giám đốc trước cứ nhận người, giám đốc sau bố trí việc. Tình trạng này bộc lộ rõ khi DNNN thực hiện CPH thường rất khó sắp xếp cán bộ, phương án sử dụng lao động. Việc DNNN phải nhận người theo mô hình quan hệ làm tăng quỹ lương, quỹ phúc lợi không tương thích với hiệu quả công việc, gây nên lãng phí lao động trong DNNN.

Một lãng phí nữa là: do không tuyển được người có năng lực nên không có quỹ chất xám, không thu hút được người tài, không thể tuyển người theo yêu cầu công việc. Trong lúc đó nhóm người phải nhận do quan hệ thường có sự chi phối công việc quản lý công ty của giám đốc, nhiều khi gây nên khó xử. Thật khó có thể thi hành kỷ luật đối với cán bộ cấp dưới khi mà người thân của người đó có quyền cách chức mình. Mỗi quan hệ giữa giám đốc với nhóm người này trở nên mù mờ và có thể làm ảnh hưởng lớn tới lợi ích chung của công ty. Lãng phí và tham nhũng

thường từ mối quan hệ này mà ra. Do bị mối quan hệ thiếu minh bạch này chi phối nên giám đốc DNNN không thể mạnh tay trong điều hành, quản lý. Điều đó càng tạo cơ hội cho lãng phí lây lan trong DNNN.

1.1.2.4 Lãng phí do lạm dụng cơ chế lãnh đạo, quản lý tập thể

Chế độ quản lý trong bộ máy nhà nước ta là chế độ quản lý còn mang nặng tính tập thể chung chung mà không xác định rõ trách nhiệm cá nhân. Chế độ quản lý đó đã xâm nhập một cách có hệ thống vào cơ chế quản lý công ty nhà nước.

Bản chất của công ty nhà nước là công ty một chủ, nhưng không có chủ đích thực. Đó là nguyên nhân cơ bản của mọi nguyên nhân gây nên lãng phí, tham ô, tham nhũng và mọi lộn xộn trong DNNN và cả xã hội.

Do sợ trách nhiệm nên không ai dám quyết định bất cứ điều gì trong công ty nhà nước, từ việc làm gì? làm ở đâu? làm với ai? làm như thế nào? Ngay cả việc cách chức một cán bộ, kỷ luật một công nhân cũng không hề đơn giản. Vì cần phải họp tổ Đảng, họp chi bộ, họp chính quyền, công đoàn, thanh niên, rồi xin ý kiến phê duyệt ở cấp trên. Để có sự phê duyệt cấp trên lại họp Đảng, chính quyền. Quay một vòng phê duyệt và họp gây lãng phí thời gian và chi phí. Không ít trường hợp muốn được cấp trên “phê duyệt” thì lại phải “bôi trơn”.

Có thể chỉ ra vô vàn sự can thiệp kiểu này trong công ty nhà nước. Ví dụ: Chỉ thay đổi ngành nghề kinh doanh của một công ty thành viên trong Tổng Công ty 91 phải được cấp trên cho phép, nhiều khi phải tới Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến đồng ý bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Tổng Công ty 91, rồi Tổng Công ty 91 bổ sung cho Công ty thành viên.

Vòng quay xin phép, chờ chấp thuận làm mất thời gian, mất cơ hội kinh doanh và đương nhiên để ra những lãng phí khó thấy- đó là lãng phí cơ hội kinh doanh. Trong kinh doanh cũng giống như một trận đánh, thời gian là yếu tố rất quan trọng, nhưng DNNN hoàn toàn không tự chủ được thời gian vì bản thân nó không thể tự quyết định.

Yếu tố dẫn đến hiệu quả kinh doanh là ý tưởng kinh doanh phải khác biệt, nhưng để có ý tưởng khác biệt phải có người tài, nhưng với cách quản lý lãnh đạo kiểu tập thể phê duyệt sẽ làm thui chột sáng kiến vì các ý kiến khác biệt đó khó được chấp thuận. Vì vậy, công ty nhà nước rất khó có ý tưởng khác biệt và vì không có ý tưởng khác biệt nên khả năng cạnh tranh của các DNNN là không cao, ngay cả khi được trợ cấp vốn, đất đai, mặt bằng.

Qua thực tế cho thấy nhiều DNNN đang tồn tại nhờ độc quyền, nếu xóa bỏ độc quyền DNNN gặp khó khăn và có nguy cơ bị loại khỏi vòng đấu.

Rõ ràng là DNNN đang rơi vào tình trạng lãng phí nhân tài, lãng phí chất xám, lãng phí cơ hội kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Sự lạm dụng cơ chế lãnh đạo tập thể đã làm mất đi khả năng sáng tạo của cá nhân, sáng kiến của cá nhân. Cơ chế lãnh đạo trong DNNN đã dẫn đến chỉ tồn tại những người trung bình chủ nghĩa; những người giỏi, tâm huyết và sáng tạo, chấp nhận rủi ro đã và sẽ ra đi. Bản thân giám đốc

sẽ không dám chấp nhận rủi ro, không dám sáng tạo, lui vào thế thủ vì nếu để doanh nghiệp hai năm thua lỗ thì sẽ bị mất chức.

1.1.2.5 Lãng phí trong việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản về tái cơ cấu DNNN nhưng trên thực tế kết quả thu được là không tương xứng.

Việc thành lập các tổng công ty 91, tổng công ty 90 bên cạnh những mặt được còn có mặt chưa được. Đó là hiện tượng các TCT này dường như trở thành cấp hành chính trung gian của DNNN, tăng thêm người đại diện chủ sở hữu của DNNN.

Ở nhiều nơi CPH khép kín đã biến thành việc chia phần. Do không đưa giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị của doanh nghiệp nên đã gây thất thu cho ngân sách ít nhất là 8 lần giá trị cổ phần đã bán ra bên ngoài. Bằng chứng là người lao động mua cổ phần mệnh giá là 100.000đ, sau đó bán trao tay tăng lên 5-10 lần, có nơi 15 lần. Như vậy, nếu giá trị 4,5% vốn Nhà nước đã bán ra là 9000 tỷ thì Nhà nước đã thất thoát khoảng 72.000 tỷ. Các vụ khiếu nại, tố cáo tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng sau cổ phần đều liên quan đến việc định giá khi CPH đã không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp. Việc CPH khép kín đã đem lại lợi ích lớn cho các vị lãnh đạo các DNNN thực hiện CPH và một phần cho người lao động, còn Nhà nước thì mất tiền.

Thêm vào đó, việc thực hiện cơ chế khoan nợ, xóa nợ cho các DNNN khi tiến hành cổ phần hóa đã làm thất thoát vốn nhà nước.

Việc chuyển DNNN thành công ty TNHH một thành viên cũng gây nên lãng phí, qua việc định giá, chi phí thời gian và làm các thủ tục chuyển đổi. Chi phí cho CPH và tái cơ cấu là khá lớn. Mỗi lần tái cơ cấu là một lần lãng phí tiền bạc và là cơ hội cho kẻ cơ hội làm giàu. Về thời gian cũng có lãng phí lớn: trung bình thời gian chuyển một DNNN thành công ty CP là 500 ngày, trong suốt thời gian này không có ai nghĩ đến việc kinh doanh và phát triển mà chỉ lo đến việc thực hiện CPH. Đây là khoản lãng phí cơ hội vô cùng lớn mà chúng ta không thể tính toán được. Thời gian CPH kéo dài một phần là do các phương án thí điểm sắp xếp và khi thí điểm thất bại lại không ai chịu trách nhiệm.

1.1.2.6 Lãng phí chi tiêu

Lễ tiệc, thủ tục khai trương, động thổ, tổng kết thi đua, kỷ niệm, sinh nhật, thăm hỏi, lễ tết...đều lấy của công để điều tiết thành của tư.

Tiền chùa, xe chùa, tiệc chùa được coi là hợp lý và hợp pháp. Việc chi tiêu lãng phí này đều được điều chỉnh phân bổ vào giá thành sản phẩm làm đội giá sản phẩm, giảm khả năng cạnh tranh của DNNN. Dạng lãng phí này là dạng lãng phí dễ nhận biết nhất.

1.2 Đánh giá chung về tình hình lãng phí trong xã hội ta

Trên cơ sở nghiên cứu tình hình lãng phí trong xã hội ta, chúng tôi đưa ra đánh giá như sau:

Thứ nhất, lãng phí đang là căn bệnh bao trùm lên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và đang diễn ra với mức độ ngày càng nghiêm trọng.

Thứ hai, xét trong giai đoạn hiện nay thì lãng phí trong hoạt động đầu tư từ nguồn vốn của nhà nước và lãng phí trong khu vực doanh nghiệp nhà nước là nghiêm trọng nhất.

Thứ ba, xét về lâu dài, lãng phí nguồn lực con người, lãng phí tri thức sẽ làm cho xã hội Việt Nam có sự phát triển không bình thường, không bền vững.

Thứ tư, lãng phí do khâu hoạch định chính sách không đúng, không đúng, quyết định đầu tư sai của lãnh đạo cấp cao là lãng phí to lớn nhất, gây hậu quả nghiêm trọng nhất đối với toàn xã hội.

Thứ năm, lãng phí ngày càng có biểu hiện phức tạp gắn liền với quan liêu, tham ô, tham nhũng.

Thứ sáu, lãng phí gây thiệt hại to lớn về mọi mặt cho xã hội, cho Nhà nước và công dân; tệ nạn lãng phí trong bộ máy nhà nước, trong khu vực doanh nghiệp nhà nước đã và đang góp phần làm giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước ta; làm giảm uy tín của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế, nhất là trước các nhà đầu tư, tài trợ.

2. NGUYÊN NHÂN CỦA TỆ LÃNG PHÍ Ở NƯỚC TA

Ở mỗi một lĩnh vực đời sống kinh tế- xã hội tệ lãng phí có những nguyên do cụ thể. Tuy nhiên, có thể chỉ ra những nguyên nhân chung, nguyên nhân sâu xa của tệ lãng phí trong xã hội ta là do: chế độ sở hữu chưa được xác lập một cách rõ ràng, minh bạch; trong bộ máy nhà nước chưa thiết lập được chế độ kiểm tra, giám sát quyền lực một cách rõ ràng, minh bạch; chính sách tài chính vẫn còn biểu hiện của cơ chế xin- cho; việc thực hành dân chủ trong xã hội còn nhiều yếu kém, các chính sách của nhà nước chưa thể hiện tính công khai, minh bạch.

Lãng phí có nguyên do ở trình độ quản lý thấp kém; do sự biến động mạnh mẽ về chính trị, kinh tế, xã hội; do xã hội còn thiếu dân chủ, không thực sự công khai, minh bạch; do thói quen, nếp sống buông thả, chơi ngông của một số người.

Trong thời gian qua Đảng và Nhà nước ta tuy đã đề ra chủ trương và khá nhiều giải pháp, biện pháp để phòng, chống lãng phí nhưng tệ lãng phí không những không giảm mà còn gia tăng. Theo chúng tôi có tình trạng này là do:

Thứ nhất, sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phòng ngừa và đấu tranh chống lãng phí chưa chặt chẽ, sâu sát, thường xuyên; việc xử lý những người, những tổ chức để xảy ra lãng phí nhiều nơi, nhiều lúc chưa nghiêm, chưa triệt để. Những năm vừa qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, văn bản quy phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng việc tổ chức thực hiện trên thực tế còn hạn chế. Chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Đảng chưa thực sự trở thành hành động cụ thể trong thực tiễn. Một số cấp uỷ, tổ

chức đảng và thủ trưởng cơ quan nhà nước chưa đề cao trách nhiệm, chưa có kế hoạch, giải pháp để tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan mình, ngành mình. Công tác ngăn ngừa, phát hiện hành vi lãng phí tuy đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Mặt khác, việc xử lý kỷ luật Đảng, xử lý về mặt pháp lý hành vi lãng phí chưa thật sự nghiêm minh, còn biểu hiện bao che, vị nể.

Thứ hai, chúng ta chưa xây được một cơ chế phòng ngừa và đấu tranh chống lãng phí thống nhất và đồng bộ nhằm huy động và phối hợp sức mạnh của toàn thể xã hội trong phòng, chống lãng phí. Các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vừa không đầy đủ lại vừa không được thực hiện nghiêm chỉnh. Thực trạng này đã làm giảm hiệu quả công tác phòng ngừa và đấu tranh chống lãng phí.

Thứ ba, công cuộc cải cách hành chính tiến hành rất chậm và lúng túng, cơ chế “xin-cho” vẫn còn phổ biến; thủ tục hành chính phiền hà, nặng nề, bất hợp lý tạo kẽ hở cho sự sách nhiễu, vòi vĩnh, ăn hối lộ, lãng phí. Chế độ công vụ của cán bộ, công chức mới bắt đầu được quan tâm xây dựng, thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát có hiệu quả. Chế độ trách nhiệm của cán bộ công chức thiếu rõ ràng, cụ thể, đặc biệt là trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo đối với những sai phạm, tiêu cực, lãng phí xảy ra trong cơ quan, đơn vị mình. Cơ chế quản lý tài chính công, mua sắm công, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản còn nhiều bất hợp lý, vòng vèo, qua nhiều khâu, nhiều “cửa”. Trình tự, thủ tục kiểu này tạo cảm giác chặt chẽ nhưng trên thực tế cơ chế kiểm soát lại rất lỏng lẻo, mờ昧 đã tạo điều kiện cho tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, thất thoát.

Thứ tư, phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên bị suy thoái, công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên yếu kém. Bước sang cơ chế thị trường, trước tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, nhiều cán bộ, đảng viên do không tự giác rèn luyện, tu dưỡng đã xa vào tệ tham nhũng, lãng phí. Công tác quản lý, giáo dục, kiểm tra cán bộ, đảng viên bị buông lỏng, yếu kém, không chuyển kịp với tình hình. Việc sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nhiều trường hợp không đúng năng lực, phẩm chất. Cán bộ, công chức chưa thường xuyên được bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, trau dồi phẩm chất chính trị. Ở nhiều tổ chức Đảng, cơ quan, thủ trưởng quản lý đảng viên, nhân viên của mình còn lỏng lẻo, chế độ sinh hoạt, kiểm điểm công tác bị bỏ bê hoặc mang tính hình thức, công tác phê bình, tự phê bình kém. Còn tình trạng e dè, nể nang hoặc vì lợi ích cục bộ mà không dám đấu tranh với các vi phạm của cán bộ, đảng viên chi bộ, tổ chức mình. Việc xử lý cán bộ còn chậm trễ, thiếu nghiêm khắc, thậm chí còn bao che lẫn nhau.

Thứ năm, hiện chúng ta còn thiếu các công cụ phát hiện và xử lý tệ lãng phí có hiệu quả. Hoạt động điều tra, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát đã thu được một số kết quả tích cực nhưng trên thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh, phòng chống lãng phí. Cơ chế phối hợp của các cơ quan nói trên còn lỏng lẻo, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng cơ quan

trong cuộc đấu tranh chung còn chưa rõ ràng, cụ thể dẫn đến tình trạng lẫn lộn, chồng chéo, thiếu hiệu quả trong hoạt động phát hiện và xử lý tệ lãng phí.

Thứ sáu, việc huy động sự tham gia đồng đảo của nhân dân cũng như sự tham gia tích cực của các phương tiện thông tin đại chúng vào cuộc đấu tranh phòng chống lãng phí chưa được quan tâm đúng mức. Chưa có cơ chế thuận lợi để tạo điều kiện cho công dân và báo chí phát hiện các hành vi lãng phí. Chưa có cơ chế để bảo vệ những người phát hiện, lên án tệ nạn lãng phí, tố cáo những quan chức tham nhũng(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 7/2006.

1. Các số liệu trong tiểu mục này được dẫn theo: Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam: *Tình hình quan liêu, lãng phí trong xã hội ta và giải pháp phòng, chống*, Hà Nội- 2005, tr.89-tr.91.
2. *Báo Pháp luật Việt Nam* số ra ngày 09/5/2006 (tr. 10) đưa tin Dự án cải tạo nâng cấp cảng Hải Phòng giai đoạn II- bước 1 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư với tổng mức đầu tư trên 1.700 tỷ đồng có sai sót ngay từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ... đã làm thất thoát hàng chục tỷ đồng.
3. Dẫn theo: *Tệ quan liêu, lãng phí và một số giải pháp phòng, chống*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội-2006, tr. 555- tr.5

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam: *Tình hình quan liêu, lãng phí trong xã hội ta và giải pháp phòng, chống*, Hà Nội- 2005, 359 trang.
2. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam: *Tệ quan liêu lãng phí và một số giải pháp phòng, chống*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội- 2006, 666 trang.
3. Chính phủ- *Dự án Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*, Tài liệu phục vụ Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XI, tháng 5-2005